

Đường Phạn phiên đối Tự Âm BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Hán Văn: Tây Kinh, trích từ bản sao chép trên vách tường đá của chùa Đại Hưng Thiện_ TỪ ÂN Hòa Thượng phụng chiếu thuật lời TỰA
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Bản Phạn BÁT NHÃ BA ĐA TÂM KINH là bản dịch của Đại Đường Tam Tạng. Khi Tam Tạng đi sang **Thiên Trúc**, đến **Ích Châu**, nghỉ đêm bên trong Đạo Tràng của chùa **Không Tuệ** thì gặp một vị Tăng có tật, thăm hỏi tình hình đi đứng, trong buổi nói chuyện, cảm thán khen Pháp Sư rằng: “Vì Pháp quên thân, thật là hiếm có! Mặc dù hành trình đến năm nước ở **Thiên Trúc** có hơn mười vạn điều ngang trái, lối đi thì gặp sông cát, sóng sâu nước nhược, gió Bắc dấy lên khắp mọi nơi, cỏ lấp kín đầy khiến người lo buồn, khi thì núi Quỷ kêu khóc, lá rơi trước bình khí nơi hoang vắng, sáng sớm đi qua đỉnh núi tuyết, chiều tối tuyết lở, khi vượn đeo bám cây, cảnh nhiều **Si Mị** (Thần Quái ở núi, đằm hay hại người), non xanh chất chồng trùng điệp, loanh quanh như mây trắng đội tuyết, cây cối quần tụ ở đỉnh **Thúu**, núi biếc cao ngất trời, đường đi khó khăn có nhiều tai nạn... biết phải đi như thế nào?!...Tôi có Pháp Môn **Tâm Yếu** của chư Phật ba đời, nếu Thầy thọ trì thì có thể bảo hộ khi đi lại”. Tiền dùng miệng truyền thụ cho Pháp Sư xong, đến sáng sớm thì vị Tăng ấy đi mất. Tam Tạng chuẩn bị hành trang xong, lia dầm **biên giới nhà Đường** (Đường cảnh), hoặc đường đi trải qua ách nạn, hoặc khi được dâng thức ăn chay thời đều nhớ đến, niệm 49 biến...hễ lạc đường liền có **Hóa Nhân** chỉ dẫn. Nghĩ đến thức ăn liền hiện món ăn, chỉ có chân thành cầu khẩn đều được có trước mặt.

Khi đến chùa **Na Lan Đà** tại nước **Ma Kiệt Đà** ở Trung Thiên Trúc, nhiều quanh Kinh Tạng theo thứ tự thì chợt gặp vị Tăng lúc trước. Vị Tăng ấy nói rằng: “Trải qua nhiều sự gian nan nguy hiểm, mừng đã đến nơi này. Kẻ quê mùa ta xưa kia ở nước **Chấn Na** đã truyền Pháp Môn **Tâm Yếu** của chư Phật ba đời. Do sự từng trải này, bảo hộ cho ông đi đường, lấy Kinh sớm nhất, mãn Tâm Nguyện của ông. Ta là **Quán Âm Bồ Tát**”. Nói xong thì bay lên hư không.

Đã hiển được điềm lành kỳ lạ, vì Kinh này mà chí nghiệm, tin tưởng Bát Nhã là then chốt của bậc Thánh, như Thuyết mà hành, át vượt lên bờ Giác, cùng tốt ý chỉ của Như Lai, há phải trải qua **ba Kỳ** đọc tụng ngâm nga Kinh của Như Lai, hay tiêu trừ ba Chướng. Nếu người chân thành thọ trì **nội dung của văn chương** (Thê Lý) ấy thì cần phải siêng năng vậy.

Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty, phong Túc Quốc Công, tặng Ty Không Quan, thực ấp gồm ba ngàn hộ, sắc ích **Đại Biện Chính Quảng BÁT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Liên Hoa Bộ Đẳng Phổ Tán Thán Tam Bảo

“**N**ặng mô một đà dã (1) **n**gộ la phê (2) **n**ặng mô đạt ma dã (3) **d**à dĩ minh ma (4) **n**ặng mô tăng già dã (5) **m**a hạ-đế-đế-dư-tì-dược (7) **t**ỳ xá tá (8) **c**a ma la mục khur (9) **c**a ma la lộ tả nặng (10) **c**a ma la la sa nặng (11) **c**a ma la hạ sa đá (12) **c**a ma la bà mẫu nể (13) **c**a ma la (14) **c**a ma la (15) **t**am bà phộc sa (16) **c**a la ma la (17) **át** sái la nặng (18) **n**a mô tể đồ đế”

NAMO BUDDHĀYA KUṆAMI
 NAMO DHARMĀYA TAYĀNI
 NAMO SAṂGHĀYA MAHATI
 TYAJ-EBHYAḤ VIṢA CA
 KAMALA MUKHE
 KAMALA LOCANA
 KAMALĀSANA
 KAMALA HASTA
 KAMALA BHAMUNI
 KAMALA KAMALA-SAMBHAVA
 KAMALA KṢARA
 NAMOSTUTE

Phạn Bản: **BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH**

Quán Tự Tại Bồ Tát cho Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG gạn gửi dạy
 truyền bản Phạn chẳng nhuận sắc

Bát-la (BÁT) nga nương (NHÃ) bả la nhĩ (MẬT) đá (ĐA) ngật-ly na dã (TÂM) tổ đất-lam (KINH)

- 1) **A lý-dã (Thánh)**
- 2) **phộc lộ (Quán) chỉ đế (Tự) thấp phộc lộ (Tai) mạo địa (Bồ) sa đất vũ (Tát)**
- 3) **nghiêm ty lam (thâm) bát-la (Bát) nga nương (Nhã) bá (Ba) la (La) nhĩ (Mật) đá (Đa)**
- 3) **tả lý-diễm (Hạnh) tả la (hành) ma nô vĩ-dã (thời)**
- 5) **Phộc lỗ ca (chiếu) để sa-ma (kiến) bạn tả**
- 6) **Tắc kiến đà (Ngũ Uẩn: ? Uẩn) sa đất thất-tả (bỉ) sa phộc (tự) bà phộc (tính) thú nễ-diễm (không) bá thất-dã để sa-ma (hiện)**
- 7) **Y hạ (thử)**
- 8) **xả (Xá) lý (Lợi) bổ đất-la (Tử)**
- 9) **Lỗ bạn (Sắc) thú nễ-diễm (Không) thú nễ-dã (Không) đế (Tính) phộc (thị) lộ bạn (Sắc)**
- 10) **Lỗ bá (Sắc) năng (bát) bỉ-lật tha (dị) thú nễ-dã đa (Không)**
- 11) **Thú nễ-dã (Không) đá dã (diệt)**
- 12) **Năng (bát) bỉ-lật tha (dị) tát-lỗ bạn (Sắc)**
- 13) **Đạ (thị) nô-lộ bạn (sắc) sa thú nễ-dã đá (Không)**
- 14) **Thú (thị) nễ-dã đá (Không) [*?Dã (thị) Thú nễ-dã đá (Không)*] sa (bỉ) lộ bạn (Sắc) ê phộc (như) nhĩ phộc (thị)**
- 15) **phệ na năng (Thọ) tán nga nương (Tuồng) tán sa ca la (Hành) vĩ nga nương nam (Thức)**
- 16) **Y hạ (thử) xả (Xá) lý (Lợi) bổ đất-la (Tử)**
- 17) **Tát la phộc (chư) đạt ma (Pháp) thú nễ-dã đá (Không) lạc khát-xoa noa (Tuồng)**
- 18) **A nô (bát) đá-bả năng (sinh) a ninh (bát) lộ đà (bát: ? diệt)**
- 19) **A (bát) [*?thiếu ma la (câu)*] vĩ ma la (tịnh: ?bất tịnh)**
- 20) **A (bát) nô năng (tặng) A (bát) bá lý bổ la noa (giảm)**
- 21) **Đá (thị) sa mỗi (cổ) xả (Xá) lý (Lợi) bổ đất-la (Tử)**

- 22) **Thú nễ-dã** (Không) **đá diễm** (trung) **nặng** (Vô) **lộ bạng** (Sắc)
- 23) **Nặng** (vô) **phệ na nặng** (Thọ)
- 24) **Nặng** (vô) **tán nga-nhương** (Tuồng)
- 25) **Nặng** (vô) **tán sa ca-la** (Hành)
- 26) **Nặng** (vô) **vĩ nga-nhương nam** (Thức)
- 27) **Nặng** (vô) **chiết khát sô** (Nhân) **thú lộ đát-la** (Nhĩ) **ca-la noa** (Ty) **nhĩ hạ** (Thiệt) **phộc ca dã** (Thân) **ma nặng lặc** (Ý)
- 28) **Nặng** (vô) **lộ bạng** (Sắc) **nhiep na** (Thanh) **ngạn đà** (Hương) **la sa** (Vi) **bá-la sắt tra vĩ-dã** (Xúc) **đạt ma** (Pháp)
- 29) **Nặng** (vô) **chước khát-sô** (Nhân) **đà đô** (Giới)
- 30) **Lý-dã** (nãi) **phộc** (chí) **nặng** (vô) **ma nộ** (Ý) **vĩ nga nương-nga nậm** (Thức) **đà đô** (Giới)
- 31) **Nặng** (Vô) **vĩ nễ dã** (Minh)
- 32) **Nặng** (Vô) **vĩ nễ dã** (Minh, tận vô)
- 33) **Nặng** (Vô) **vĩ nễ dã** (Minh) **khất xoa dụ** (tận)
- 34) **Nặng** (Vô) **vĩ nễ dã** (Minh) **khất xoa dụ** (tận)
- 35) **Dã** (nãi) **Phộc** (chí) **nhạ la** (lão) **ma la nam** (vô: ?từ)
- 36) **Nặng** (vô) **nhạ la** (lão) **ma la noa** (vô: ?từ) **khất xoa dụ** (tận)
- 37) **Nặng** (vô) **nậu khur** (Khỏ) **sa mấn na dã** (Tập) **ninh lộ đà** (Diệt) **ma** (lý) **nga nương** (Đạo)
- 38) **Nặng** (vô) **nga nương nam** (Trí)
- 39) **Nặng** (vô) **bát-la bỉ đế** (đắc)
- 40) **Nặng** (vô) **tỳ sa ma** (chứng)
- 41) **Đá** (dĩ) **sa mỗi** (vô) **na** (sở) **bát-la bỉ-phủ** (đắc) **đát phộc** (cổ)
- 42) **Mạo** (Bồ) **địa** (Đề) **sa** (Tát) **đát phộc nam** (Đỏa)
- 43) **Bát-la** (Bát) **nga-nương** (Nhã) **bá** (Ba) **la nhĩ** (Đa) [**?bá la nhĩ đá**: Ba La Mật Đa]
- 44) **ma thất-lý đễ-dã** (y) **vĩ hạ** (ư) **la đễ-dã** (trụ)
- 45) **Chỉ đá** (Tâm) **phộc** (vô) **la** (quái) **noa** (ngại)
- [ND: Kinh bản này dư từ câu 33 đến câu 45 ở bên trên]
- 33) **Vĩ nễ dã** (Minh) **khất xoa dụ** (tận)
- 34) **Nặng** (vô) **vĩ nễ dã** (minh) **khất xoa Dụ** (tận)
- 35) **Dã** (nãi) **Phộc** (La chí **nặng** vô) **nhạ la** (lão) **ma la nam** (từ)
- 36) **Nặng** (vô) **nhạ la** (lão) **ma la noa** (từ) **khất xoa dụ** (tận)
- 37) **Nặng** (vô) **nậu khur** (Khỏ) **sa mỗi na dã** (Tập) **ninh lỗ đà** (Diệt) **ma lý nga-nương** (Đạo)
- 38) **Nặng** (vô) **nga nương nam** (Trí)
- 39) **Nặng** (vô) **bát-la bỉ đế** (đắc)
- 40) **Nặng** (vô) **tỳ sa ma** (chứng)
- 41) **đá** (dĩ) **sa mỗi** (vô) **na** (sở) **bát-la bỉ đế** (đắc) **đát phộc** (cổ)
- 42) **Mạo** (Bồ) **địa** (Đề) **sa** (Tát) **đát phộc nam** (Đỏa)
- 43) **Bát la** (Bát) **nga nương** (Nhã) **bá** (Ba) **la** (La) **nhĩ** (Mật) **đá** (Đa)
- 44) **Ma thất lý đễ dã** (Y) **vĩ hạ** (ư) **la đễ-dã** (trụ)
- 45) **Chỉ đá** (Tâm) **phộc** (vô) **la** (quái) **noa** (ngại)
- 46) **Chỉ đá** (Tâm) **la** (quái) **noa** (ngại)
- 47) **Nặng** (vô) **tất đễ đát-phộc** (hữu) **na** (khủng) **hãn-lý tổ đô** (bổ)
- 48) **Vĩ bá lý-dã sa** (đảo) **đễ** (viễn) **già lan đá** (ly)

- 49) **Ninh** (cứu) **sắt tra** (cánh) **ninh li dã-phộc** (Niết) **nam** (Bàn)
- 50) **Đề lý-dã** (tam) **đà-phộc** (thế)
- 51) **vĩ-dã phộc** (sở) **tát thể đá** (kinh) **sa phộc** (chư) **một đà** (Phật)
- 52) **Bát-la** (Bát) **nga-nhương** (Nhã) **bá** (Ba) **la** (La) **nhĩ** (Mật) **đá** (Đa)
- 53) **ma thất-ly** (cô) **đề-thế** (đắc) **nậu** (vô) **đá lan tâm miệu-thế** (đẳng) **tâm** (chính) **một địa** (cánh)
- 54) **Ma ty** **tâm một đà đá** (thị) **sa-mỗ**(cô) **nga-nhương đá** (ưng) **vĩ diễn** (tri)
- 55) **Bát-la** (Bát) **nga-nhương** (Nhã) **bá** (Ba) **la** (La) **nhĩ** (Mật) **đá** (Đa)
- 56) **Ma hạ** (Đại) **mãn đất lỗ** (Chú)
- 57) **Ma hạ** (Đại) **vĩ nễ-dã b**(Minh) **mãn đất la** (Chú)
- 58) **A** (Vô) **nậu đá la** (Thượng) **mãn đất la** (Chú. A: vô)
- 59) **sa ma** (đẳng) **sa đế** (đẳng) **mãn đất la** (Chú)
- 60) **Tát** (nhất) **phộc** (thiết) **nậu khư** (khỏ) **bát-la xả** (chỉ) **nặng** (tức tốt)
- 61) **Sa** (chân) **đề dã** (thật) **ma nhĩ** (bất) **tán-ly dã đất-phộc** (hư)
- 62) **Bát-la** (Bát) **nga-nhương** (Nhã) **bá** (Ba) **la** (La) **nhĩ** (Mật) **đá** (Đa)
- 63) **Mục cật cầu** (thuyết) **mãn đất la** (Chú) **đát nễ-dã tha** (viết)
- 64) **Nga đế, nga đế**
- 65) **Bá la nga đế**
- 66) **Bá la tăng nga đế**
- 67) **Mạo địa, sa phộc hạ**

PHẠM NGŨ BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH
MỘT QUYỀN (Hết)

पञ्च परमिा हृदय सूत्र
PRAJÑĀ-PĀRAMITA HRDAYA SŪTRAM

Phạn âm do Đức Quán Tự Tại Bồ Tát truyền trực tiếp cho Pháp Sư HUYỀN TRANG

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH

अर्या अवलोकितेश्वर बधिसत्वा

ĀRYA AVALOKITEŚVARA BODHISATVA (Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

गम्भीरं पञ्च परमिा वृत्तं

GAMBHĪRĀM PRAJÑĀ-PĀRAMITA CARYĀM (thậm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa Hạnh)

वरमण

CARAMAÑO (vào lúc tu hành)

व्यावलोकयति स्म

VYAVALOKAYATI SMA (Quán sát rõ ràng xong)

चं व सूत्रं स स्मि सूत्रं सु सु प सु (ग सु)

PAMCA-SKANDHA STA ŚCA SVABHĀVA ŚŪNYA PAŚYATI SMA (Soi thấy tự tính của nhóm năm uẩn đều không)

इह सिरेपुत्र

ĪHA ŚĀRIPUTRA! (Nói với ông Xá Lợi Tử)

रूपं सु सु

RŪPAM ŚŪNYAM (Sắc là Không)

सु सु तै व रूपं

ŚŪNYATA IVA RŪPAM (Không Tính cũng là Sắc)

रूपं न पृथक् सु सु तै

RŪPAM NA PRTHAK ŚŪNYATĀ (Sắc chẳng khác với Không Tính)

सु सु तै न पृथक् रूपं

ŚŪNYATĀ YĀ NA PRTHAG RŪPAM (Không Tính cũng chẳng khác với Sắc)

यद् रूपं स सु सु तै

YAD RŪPAM SĀ ŚŪNYATĀ (chính Sắc là Không Tính)

यद् सु सु तै स रूपं

YĀ ŚŪNYATĀ SĀ RŪPAM (chính Không Tính là Sắc)

एवमैवा वेदानां समज्ञां समकारां विज्ञानाम्

EVAM EVA VEDANĀ SAMJÑĀ SAMSKĀRĀ VIJÑĀNAM (Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng đều như vậy)

इह सिरेपुत्र

ĪHA ŚĀRIPUTRA! (Này Xá Lợi Tử)

सर्वं धर्मं सु सु तै व रूपं सु सु तै व रूपं सु सु तै

SARVA DHARMA ŚŪNYATA (Không Tính của tất cả Pháp) ALAKṢANA (vô tướng) ANUTPANNĀ (chẳng sinh) ANIRUDDHĀ (chẳng diệt) AMALĀ (chẳng cấu nhiễm) AVIMALĀ (chẳng ly cấu nhiễm) ANUNA (chẳng giảm) APARIPŪRAṆA (chẳng tăng)

नञ्च सिरेपुत्र

TASMAI ŚĀRIPUTRA! (Như vậy, Xá Lợi Tử)

सुश्रुत

ŚŪNYATĀYĀM (trong Không Tính)

न रूपा

NA RŪPAM (không có Sắc)

न वेदान

NA VEDANĀ (không có Thọ)

न संज्ञा

NA SAMJÑĀ (không có Tưởng)

न संस्कार

NA SAMSKĀRĀ (không có Hành)

न विज्ञान

NA VIJÑĀNAM (không có Thức)

न चक्षुःश्रोत्रं घ्राणं जीह्वं कंठं मनोः

NA: CAKṢUḤ ŚROTRA GHRĀṆA JIHVA KĀYA MANOJÑĀḤ (không có: nhãn, nhĩ ty, thiệt, thân, ý)

न रूपा रसं गन्धं रसं स्पर्शं धर्मं

NA: RŪPA ŚABDA GANDHA RASA SPRAṢṬAVYA DHARMA (không có: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp)

न चक्षुःधतुः यवः ना मानोविज्ञानाधतुः

NA: CAKṢU-DHĀTUR YAVAN NA MANOVIJÑĀNA-DHĀTU (không có Nhân Giới cho đến không có Ý Thức Giới)

न विद्या न अविद्या कषयो (Không có Vô Minh, không có Vô Minh tận)

YAVAN NA JARĀ MARANAM NA JARĀ MARANAM KṢAYO (cho đến không có lão tử, không có lão tử tận)

न दुःखं समुदायं निरोधं मार्गानाम्

NA: DUḤKHA SAMUDAYA NIRODHA MĀRGĀNĀM (không có: Khổ, Tập, Diệt, Đạo)

न ज्ञानं

NA JÑĀNĀM (không có Trí)

न प्राप्ति

NA PRĀPTI (không có đắc)

न अभिसामयाह

NA ABHISAMAYAḤ (không có chứng)

न च न प्राप्तिं न च ज्ञानं न च संसृतिं न च संसृतिं न च संसृतिं न च संसृतिं

TASMAI! NA PRĀTITVA (Như vậy, nhờ không có sở đắc) BODHI-SATVĀNĀM (các vị Bồ Tát) PRAJÑĀ-PĀRAMITĀM (Bát Nhã Ba La Mật) ĀŚRITYA (Y cú) VIHARATYA (cư trú) ACITTA AVARAṆA (không có Tâm chướng ngại)

असृष्टं अस्तित्वा

ACITTA AVARAṆA (không có Tâm chướng ngại) NA STITVAD (không có sở hữu) ASTRASṬO (sợ hãi) VIPARYĀSA (điên đảo) TIKRĀNTA (quá khứ hay đã xa lìa hẳn)

असृष्टं असृष्टं

NIṢṬITA (cứu cánh) NIRVĀṆA (Niết Bàn)

शुभं शुभं शुभं सर्व बुद्धः

TR YA-DHVA (ba đời) VYAVASTHITAḤ (Sở hữu) SARVA BUDDHĀḤ (tất cả Phật)

पुञ्जपरममिन्द्रिय

PRAJÑĀ-PĀRAMITĀM (Bát Nhã Ba La Mật Đa) ĀŚRITYA (Y cứ)

अनुत्तरसम्यक्संबोधिमस्यैकं

ANUTTARĀ-SAMYAKSAMBODHIM (đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) ABHISAMBUDDHĀḤ (hiện thành Chính Giác, chứng đắc, sở chứng)

तस्मात् ज्ञाता व्या

TASMAI! JÑĀTA VYA (Như vậy, nên biết)

पुञ्जपरममिन्द्रियमनमत्रमनसिन्द्रियमत्र अत्र अत्रमत्र असमसममत्र सर्वदुःखप्रणिवारः सप्रमिन्द्रियमत्र बुद्धं पुञ्जपरममिन्द्रियमत्र

PRAJÑĀ PĀRAMITĀ (Bát Nhã Ba La Mật Đa) MAHĀ-MANTRA (Đại Chú) MAHĀ-VIDYĀ-MANTRA (Đại Minh Chú) ANUTTARA-MANTRA (Vô Thượng Chú) ASAMASAMA-MANTRA (Vô đẳng đẳng Chú) SARVA DUḤKHA (tất cả khổ) PRASĀMANAḤ (chận đứng) SATYAM (Chân thật) AMITHYA (không có Tà bậy, Giả dối) TVĀK (Nên nói) PRAJÑĀ-PĀRAMITĀ MUKTO MANTRĀM (Bát Nhã Ba La Mật Đa Giải Thoát Chú)

तद्यथा

TADYATHĀ (liền nói Chú là) :

गते गते परगते परगते परगते परगते

GATE (vượt qua) GATE (vượt qua) PĀRAGATE (vượt qua bờ bên kia) PĀRASAMGATE (vượt qua bờ bên kia hoàn toàn) BODHI (Tuệ giác, Trí giác) SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

22/02/2012

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Viết dịch: HUYỀN THANH

Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành và xem xét kỹ về hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu. Ngài soi thấy tự tính của nhóm năm uẩn đều trống rỗng.

Ngài bảo ông Xá Lợi Tử rằng: “Hình chất là trống rỗng, tính trống rỗng cũng là hình chất. Hình chất chẳng khác với tính trống rỗng, tính trống rỗng chẳng khác với hình chất. Chính hình chất là tính trống rỗng, chính tính trống rỗng là hình chất. Bốn uẩn: Cảm giác, tri giác, hoạt động tâm ý, nhận thức cũng đều như vậy.

Này Xá Lợi Tử! Tính trống rỗng của tất cả Pháp vốn không có tướng, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng cấu nhiễm chẳng lìa cấu nhiễm, chẳng giảm bớt chẳng tăng thêm.

Chính vì thế cho nên trong tính trống rỗng ấy không có hình chất, không có cảm giác, không có tri giác, không có hoạt động tâm ý, không có nhận thức. Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, Pháp cảnh. Không có giới của mắt cho đến không có giới nhận biết của ý. Không có vô minh cũng không có chấm dứt vô minh, cho đến không có già chết cũng không có chấm dứt già chết. Không có: khổ não, nguyên nhân kết tạo khổ não, trạng thái xóa bỏ khổ não, đường lối thoát khỏi khổ não. Không có Trí, không có đắc, không có chứng.

Như vậy! Nhờ không có sở đắc mà các vị Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa nên không có tâm chướng ngại. Do không có tâm chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi sự điên đảo, cuối cùng đạt được Niết Bàn.

Hết thầy chư Phật ba đời đều y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa mà chứng được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Vì thế nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là lời chú nguyện to lớn, là lời chú nguyện rất sáng tỏ, là lời chú nguyện vô thượng, là lời chú nguyện không có gì sánh bằng hay chận đứng tất cả khổ não và đây là sự chân thật không giả dối. Cho nên nói **BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA GIẢI THOÁT CHÚ**.

Liên nói Chú là:

GA TÊ, GA TÊ, PA RA GA TÊ, PA RA XĂM GA TÊ, BỒ ĐI, XỜ-VA HA

22/02/2012